

Số: 04/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường

Công ty Cổ phần Đầu tư MST

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư MST.

Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán 2019 và bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021. Để đảm bảo Điều lệ Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp 2020, phù hợp với Luật Chứng khoán 2019 mới cũng như văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán 2019 mới và đáp ứng yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành, Hội đồng quản trị Công ty đã chủ động rà soát Điều lệ Công ty. Trên cơ sở rà soát đó Hội đồng quản trị nhận thấy một số nội dung của Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2020 mới và Luật chứng khoán 2019 mới. *(Nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ đính kèm)*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung điều lệ với các nội dung như đính kèm.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Quang

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ DỰ KIẾN SỬA ĐỔI NĂM 2021

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, Căn cứ đề xuất sửa
<p>Điều 1: Định nghĩa</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 1:</u> b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp i. "Cổ đông" có nghĩa là mọi cá nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 1:</u> b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần</p>	<p>Luật doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay thế Luật doanh nghiệp 2014</p>
<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p><u>Khoản 3 Điều 2:</u> 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Ngõ 159 phố Tây Sơn, Thị Trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại:02466744305 Fax: 02435553592 Email: Website: https://mmst.com.vn/ và https://mmst.vn/</p>	<p><u>Khoản 3 Điều 2:</u> 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Ngõ 159 phố Tây Sơn, Thị Trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại:02466744305 Fax: 02435553592 Email: Website: https://mmst.vn/</p>	<p>Theo nhu cầu thực tế của Công ty</p>



<p>Điều 8: Chứng chỉ cổ phiếu</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 8:</u> 1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 8:</u> 1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều khoản của Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 13: Quyền của cổ đông</p>	<p><u>Điểm h Khoản 2 Điều 13:</u> h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp</p>	<p><u>Điểm h Khoản 2 Điều 13:</u> h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều khoản của Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 14: Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 14:</u> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 14:</u> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	
<p>Điều 15: Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 15:</u> 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hoặc có thể được cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn nhưng không quá 06 tháng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 15:</u> 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p><u>Điểm c Khoản 3 Điều 15:</u></p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 thành viên quy định trong Điều lệ;</p>	<p><u>Điểm c Khoản 3 Điều 15:</u></p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định luật pháp</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điểm b khoản 1 Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><u>Điểm e Khoản 3 Điều 15:</u></p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p><u>Điểm e Khoản 3 Điều 15:</u></p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 165 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><u>Điểm b Khoản 4 Điều 15:</u></p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><u>Điểm b Khoản 4 Điều 15:</u></p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Luật doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 thay đổi thứ tự các điều so với Luật doanh nghiệp 2014</p>
<p><u>Điểm c Khoản 4 Điều 15:</u></p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy</p>	<p><u>Điểm c Khoản 4 Điều 15:</u></p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều khoản của Luật</p>

	định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	doanh nghiệp 2020
Điều 16: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	<u>Điểm m Khoản 2 Điều 16:</u> m. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	<u>Điểm m Khoản 2 Điều 16:</u> m. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Sửa đổi phù hợp với Điều khoản của Luật doanh nghiệp 2020
Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	<u>Điểm a Khoản 2 Điều 19:</u> a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	<u>Điểm a Khoản 2 Điều 19:</u> a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	Sửa phù hợp với khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2020
	<u>Khoản 3 Điều 19:</u> 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15	<u>Khoản 3 Điều 19:</u> 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất trước	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 1 Điều

	<p>ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông</p>	<p>21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông</p>	<p>143 Luật doanh nghiệp 2020 và Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
	<p><u>Khoản 5 Điều 19:</u></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại điều 13.3 Điều lệ này.</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p>	<p><u>Khoản 5 Điều 19:</u></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nhưng trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại điều 13.3 Điều lệ này.</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 20:</u></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết</p>	<p><u>Khoản 1 Điều 20:</u></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% số phiếu có quyền biểu quyết</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><u>Khoản 2 Điều 22:</u></p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này</p>	<p><u>Khoản 2 Điều 22:</u></p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020</p>
	<p><u>Khoản 4 Điều 22:</u></p> <p>4. Trường hợp thông qua các nội dung nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì các nội dung này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành đối với các vấn đề quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ và các vấn đề khác tại khoản 2 Điều 22 Điều lệ này được thông qua khi ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành</p>	<p><u>Khoản 4 Điều 22:</u></p> <p>4. Trường hợp thông qua các nội dung nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì các nội dung này được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ</p>	<p><u>Khoản 2 Điều 23:</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình</p>	<p><u>Khoản 2 Điều 23:</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp</p>

<p>đồng bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp</p>	<p>thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này và khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp</p>	2020	
	<p><u>Khoản 3 Điều 23:</u></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p>	<p><u>Khoản 3 Điều 23:</u></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p>	
	<p><u>Điểm f Khoản 5 Điều 23:</u></p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được</p>	<p><u>Điểm f Khoản 5 Điều 23:</u></p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với điểm e khoản 5 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p>	

	thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác	thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác	
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	<u>Khoản 1 Điều 26:</u> 1. Số lượng, nhiệm kỳ của HĐQT: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	<u>Khoản 1 Điều 26:</u> 1. Số lượng, nhiệm kỳ của HĐQT: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục	Luật doanh nghiệp 2020 đã bỏ nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị chỉ có nhiệm kỳ của thành viên HĐQT
	<u>Khoản 2 Điều 26:</u> 2. Tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên HĐQT: - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 151 của Luật Doanh nghiệp. - Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật.	<u>Khoản 2 Điều 26:</u> 2. Tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên HĐQT: - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp. - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty - Không được làm thành viên HĐQT tối đa quá 05 Công ty khác. - Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật.	Sửa đổi theo Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<p>Điều 27: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p><u>Điểm c Khoản 4 Điều 27:</u> c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p>	<p><u>Điểm c Khoản 4 Điều 27:</u> c. Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều khoản của Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 30: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p><u>Khoản 14 Điều 30:</u> 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp hội đồng quản trị có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 154 Luật doanh nghiệp. Biên bản họp Hội đồng quản trị có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản</p>	<p><u>Khoản 14 Điều 30:</u> 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp hội đồng quản trị có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp. Biên bản họp Hội đồng quản trị có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều khoản của Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 33: Bộ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p>	<p><u>Điểm a Khoản 1 Điều 33:</u> a. Đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại điều 65 Luật doanh nghiệp</p>	<p><u>Điểm a Khoản 1 Điều 33:</u> a. Đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại điều 64 Luật doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều khoản của Luật doanh nghiệp 2020</p>

Điều 39: Ban kiểm soát	<u>Khoản 6 Điều 39:</u> 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 114.2 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	<u>Khoản 6 Điều 39:</u> 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 115.2 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	Sửa đổi phù hợp với Điều khoản của Luật doanh nghiệp 2020
	<u>Khoản 9 Điều 39:</u> 9. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	<u>Khoản 9 Điều 39:</u> 9. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ MST**

Số: 05/2021/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ)

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường
Công ty Cổ phần Đầu tư MST**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư MST

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. (Phương án phát hành đính kèm)
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến phương án phát hành khi có yêu cầu của cơ quan quản lý theo quy định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST
Ngõ 159 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội



PHƯƠNG ÁN
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHÀO BÁN CHO
NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP



HÀ NỘI, THÁNG 01/2021

CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO ĐỢT PHÁT HÀNH

Phương án phát hành cổ phiếu này được trình tại Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Đầu tư MST vào ngày 18 tháng 01 năm 2021. Phương án này được xây dựng căn cứ vào:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư MST;
- Căn cứ chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty cho các năm tiếp theo.

Nay xây dựng phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp để tăng vốn điều lệ Công ty như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

- Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MST
- Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá	:	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Phương án phát hành	:	Chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
- Số lượng cổ phiếu phát hành	:	30.000.000 cổ phiếu (Bằng chữ: Ba mươi triệu cổ phiếu)
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành tính trên mệnh giá	:	300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)
- Tiêu chí lựa chọn đối tượng phát hành	:	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân, tổ chức trong nước có tiềm lực về tài chính vững mạnh, có thể hỗ trợ Công ty về công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp.
- Đối tượng phát hành	:	Là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng tối đa là 15 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Ủy quyền cho HĐQT thông qua số lượng nhà đầu tư,

		<p>danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu riêng lẻ chào bán và số lượng cổ phiếu riêng lẻ bán cho từng nhà đầu tư theo tiêu chí trên.</p>
-	Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phiếu
-	Chuyển nhượng quyền mua	: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được phân bổ quyền mua trong trường hợp này không được chuyển nhượng quyền mua cho đối tượng khác
-	Hạn chế chuyển nhượng	: Cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Trừ trường hợp chuyển nhượng giữa nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với nhau hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật
-	Thời gian dự kiến phát hành	: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp để thực hiện chào bán. Việc chào bán chỉ thực hiện sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.
-	Phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết:	<p>Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư chưa phân phối hết, ĐHĐCĐ sẽ ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối cho các đối tượng khác là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với giá không thấp hơn 10.000 đồng /cổ phần.</p> <p>Trong trường hợp này Công ty sẽ tiến hành tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu đã phát hành thành công. Số lượng cổ phiếu không được Nhà đầu tư mua sẽ bị hủy bỏ.</p>
-	Đảm bảo tỷ lệ của nhà đầu tư nước ngoài	: Đối tượng phát hành là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong nước nên việc phát hành đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Mục đích phát hành

Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh nâng cao năng lực tài chính nhằm triển khai Hợp đồng tổng thầu EPC đã ký kết với đối tác đồng thời việc bổ sung vốn lưu động giúp nâng cao năng lực tài chính, làm tiền đề để Công ty tham gia các dự án tổng thầu

EPC và tích lũy quỹ đất sạch trong thời gian tới cũng như giảm chi phí tài chính khi hạn chế sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng nhằm mang lại hiệu quả, lợi ích cho Công ty và cổ đông.

2. Phương án sử dụng vốn

Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng) sẽ được sử dụng bổ sung vốn lưu động để nâng cao năng lực tài chính triển khai Hợp đồng tổng thầu EPC thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng dự án “Khu trung tâm thương mại – Dịch vụ và Căn hộ I Tower Quy Nhơn” đã ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đô Thành với tổng giá trị hợp đồng tổng thầu là 2.353.000.000.000 đồng (Hai nghìn, ba trăm năm mươi ba tỷ đồng).

Một số thông tin về dự án “Khu trung tâm thương mại – Dịch vụ và Căn hộ I Tower Quy Nhơn” mà Công ty đã ký Hợp đồng Tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng. Cụ thể:

- Tên dự án: Trung tâm Thương mại – Dịch vụ, Văn phòng và Căn hộ I Tower Quy Nhơn.
- Địa chỉ dự án: Số 28 Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Vị trí dự án: gồm 04 mặt tiền đường Lê Duẩn – Vũ Bảo – Nguyễn Tư – Đường liền kề trụ sở BIDV Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Bất động sản Đô Thành
- Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên khu đất tổng diện tích 10.748 m² bao gồm:
 - o Diện tích giao thông, sân bãi, cây xanh: 5.442,8 m²
 - o Diện tích xây dựng công trình: 5.305,2 m²
 - o Quy mô công trình: Block A cao 36 tầng, Block B cao 41 tầng chung khối để tiêu chuẩn 4 sao cộng.
- Sản phẩm của dự án:
 - o 1341 căn hộ bao gồm cả 8 căn Penhouse (287 căn một phòng ngủ, diện tích từ 48m² - 51m²; 792 căn hai phòng ngủ, diện tích từ 55m²-73m²; 254 căn ba phòng ngủ, diện tích từ 84m² - 98m²);
 - o 25 căn Shophouse ;
 - o 02 tầng hầm cho dịch vụ hỗn hợp để xe, kỹ thuật.

Một số thông tin về Hợp đồng tổng thầu EPC thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng Dự án Khu trung tâm thương mại – Dịch vụ và căn hộ I Tower Quy Nhơn Công ty đã ký:

- Tổng giá trị hợp đồng tổng thầu EPC: 2.353.000.000.000 VNĐ (Trong đó Giá trị hợp đồng phần xây dựng là 2.099.438.936.441 VNĐ và giá trị hợp đồng phần thiết

bị là 253.561.063.559 VNĐ).

- Thời gian dự kiến thi công: 29 tháng

III. NIÊM YẾT BỔ SUNG VÀ LƯU KÝ BỔ SUNG

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty thực hiện lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung theo quy định.

IV. UỶ QUYỀN

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư chuyên nghiệp để tăng vốn điều lệ, cụ thể:

1. Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép Ủy ban chứng khoán Nhà nước thực hiện việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư chuyên nghiệp trong nước;
 - Lựa chọn và thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong nước mua cổ phiếu riêng lẻ và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư và công bố công khai.
 - Xây dựng kế hoạch sử dụng số tiền thu được đúng mục đích của đợt phát hành.
 - Quyết định phân phối số cổ phiếu không mua hết cho đối tượng khác là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong nước với giá không thấp hơn giá đã phát hành.
2. Thực hiện việc sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo kết quả thực tế của đợt phát hành.
3. Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Thực hiện các công việc khác có liên quan.

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2021

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu TK Công ty.



Nguyễn Huy Quang

Số: 06/2020/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2020

TỜ TRÌNH

(V/v: Phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường
Công ty Cổ phần Đầu tư MST

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư MST;

Nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác để mang lại lợi ích kinh tế tối đa cho Công ty và các cổ đông của Công ty. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty phát sinh trong năm 2021, cụ thể như sau:

- 1.1. Phê duyệt các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan của Công ty theo quy định của pháp luật ("**Các Giao Dịch Liên Quan**"), bao gồm nhưng không giới hạn ở các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công ty với công ty con/công ty liên kết của Công ty; và các bên liên quan khác của Công ty:
 - a. Các giao dịch mua bán hàng hóa;
 - b. Các giao dịch chuyển giao quyền sở hữu, cấp quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, quyền tác giả và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác cho dù đã được đăng ký bảo hộ hay chưa;
 - c. Các giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố và thế chấp tài sản trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên;
 - d. Các giao dịch khác theo quyết định của HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty tùy từng thời điểm.
- 1.2. Danh sách các thành viên liên quan:
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư MST
- 1.3. Danh sách các Công ty con, công ty liên kết
 - **Công ty con:**
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Đô thị và Giao thông (Trainco);
 - **Công ty liên kết:**
Công ty CP Xăng Dầu Hưng Yên;
Công ty TNHH TM DV Trainco;
Công ty CP Xây lắp I Nam Định;
Công ty CP NBA.



- 1.4. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc của Công ty và/hoặc người được Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền lại:
- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có);
 - Ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có).
2. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT xem xét, thông qua việc thực hiện các giao dịch tài chính giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức liên quan.

Để tạo sự chủ động, linh hoạt cho HĐQT trong việc quản lý, hoạch định chính sách và thực thi kế hoạch tài chính của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt việc thực hiện các giao dịch tài chính (cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh) của Công ty cho các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ – CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với các công ty đại chúng.

3. Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua (bao gồm cả việc triển khai thực hiện các trình tự thủ tục, làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đạt được các mục tiêu và kế hoạch đề ra trong năm 2021 phù hợp với quy định của pháp luật). Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vấn đề gì liên quan đến Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, kể cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ thì HĐQT được toàn quyền quyết định, xử lý mà không cần phải triệu tập họp ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua các vấn đề trên.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- HĐQT; BTGD;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ MST**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07 /2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Phê duyệt hợp đồng tổng thầu EPC thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng đã ký với đối tác)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường
Công ty Cổ phần Đầu tư MST**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư MST.

Ngày 09/08/2019 Công ty đã ký hợp đồng tổng thầu EPC thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng với đối tác là Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đô Thành để triển khai dự án Khu trung tâm Thương mại – Dịch vụ và Căn hộ I Tower Quy Nhơn. Tổng giá trị hợp đồng tổng thầu EPC đã ký với đối tác là 2.353.000.000.000 đồng (Hai nghìn ba trăm năm mươi ba tỷ đồng) trong đó giá trị xây dựng cơ bản là 2.099.438.936.441 đồng và phần cung cấp thiết bị trị giá 253.561.063.559 đồng. Đây là hợp đồng có ý nghĩa hết sức quan trọng và là cơ sở, tiền đề để Công ty tạo dựng uy tín với các đối tác và tham gia sâu triển khai các dự án tổng thầu EPC sau.

Do đó, Hội đồng quản trị xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Hợp đồng tổng thầu EPC để xây dựng Khu trung tâm Thương mại – Dịch vụ và Căn hộ I Tower Quy Nhơn mà Công ty đã ký với đối tác. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT huy động các nguồn vốn để đảm bảo năng lực tài chính triển khai dự án đã ký kết đúng tiến độ, kế hoạch nhằm mang lại lợi ích cho cổ đông.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu TVB.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Quang